

Bản án số: 59/2019/KDTM-ST
Ngày: 15 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý;

Bà Châu Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2019/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 357/2018/XLN-AMC ngày 07/01/2019) - Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L; Trụ sở: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền đề ngày 23/4/2019) - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Trần Thị Hồng Vân - Vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ngân hàng TMCP V và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu H là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/5/2016 Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L (gọi tắt là Công ty L) có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD vay số tiền 749.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, ngày giải ngân 28/5/2016, ngày đến hạn 28/5/2021, lãi suất ưu đãi thỏa thuận là 7,5%/tháng cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau 12 tháng từ ngày giải ngân vốn vay theo khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay sẽ được tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng 5%/năm và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán một phần tiền mua xe ô tô con.

Tại bản khế ước nhận nợ lần 1 ngày 28/5/2016, hai bên cũng thỏa thuận mức lãi suất 7,5%/năm là lãi suất ưu đãi. Trường hợp bên vay không trả nợ (gốc, lãi) đúng hạn thì ngoài khoản lãi vay, phí, phạt theo hợp đồng, bên vay còn phải trả khoản chênh lệch giữa lãi suất cho vay thông thường và lãi suất cho vay ưu đãi trong 12 tháng đầu.

Để bảo đảm cho khoản vay, V và bên vay đã thống nhất áp dụng biện pháp thế chấp tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển kiểm soát 51F-680.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, từ ngày 20/9/2017 Công ty L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, V đã nhiều lần liên hệ làm việc NH không có kết quả nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Tạm tính đến hết ngày 20/6/2019, Công ty L còn nợ V các khoản sau:

Nợ gốc quá hạn: 472.199.754 đồng,

Nợ lãi trong hạn: 4.628.885 đồng,

Lãi quá hạn: 99.341.574 đồng,

Lãi ưu đãi hoàn trả 12 tháng đầu: 25.507.417 đồng.

Tổng cộng là: 601.677.630 đồng.

V yêu cầu Công ty L thanh toán số nợ tạm tính đến hết ngày 20/6/2019 là 601.677.630 đồng. Ngoài ra, phía bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký từ ngày 21/6/2019 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty L không thanh toán đầy đủ số nợ nêu trên thì V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển kiểm soát 51F-680.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 cho Công ty L theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền yêu cầu bà Trần Thị Hồng V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/16/0069/HDBLDS ngày 26/5/2016.

Hiện tại, phía ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016. Còn tài sản thế chấp là ô tô nêu trên do phía Công ty L đang quản lý, sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L (gọi tắt là Công ty L) là bị đơn do ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền đồng thời ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông thừa nhận ngày 26/5/2016 Công ty L có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD vay số tiền 749.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, ngày giải ngân 28/5/2016, ngày đến hạn 28/5/2021, lãi suất thỏa thuận là 7,5%/tháng cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay là thanh toán một phần tiền mua xe ô tô con đúng như phía nguyên đơn trình bày.

Để bảo đảm cho khoản vay, công ty Công ty L thế chấp tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển kiểm soát 51F-680.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, do Công ty L có một số lần trả nợ không đúng hạn và V đã tính lãi phạt cao nên phía công ty không nộp nữa. Công ty L thừa nhận còn nợ V nợ gốc là: 472.199.754 đồng. Về phần lãi, phía Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số lãi trong hạn, lãi quá hạn, ngoài ra còn phải trả lãi ưu đãi hoàn trả 12 tháng đầu là: 25.507.417 đồng thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn thừa nhận phía V đã tính lãi theo đúng hợp đồng hai bên đã ký NH mức lãi này quá cao. Trường hợp V giảm lãi, bị đơn đồng ý trả cả gốc và lãi là 520.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ngân hàng đồng ý.

Hiện tại, V đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016. Ông H xác nhận mặc dù Công ty L đứng tên chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Quang MnH thực chất Công ty L thuộc sở hữu của ông, còn ông Phạm Quang Mchi là người ông nhờ đứng tên đăng ký kinh doanh. Do công việc làm ăn có nhiều khoản nợ nên chiếc xe mà Công ty đang thế chấp cho ngân hàng nêu trên các chủ nợ đang giữ. Hiện nay ông cũng không biết chiếc xe đang ở đâu và do ai quản lý sử dụng. Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp tên, địa chỉ của người đang quản lý sử dụng chiếc xe NH ông không biết nên không thể cung cấp được.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Hồng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trước kia bà là chủ sở hữu và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L, bà cũng là người ký các hợp đồng tín dụng và đứng ra bảo lãnh số nợ như phía nguyên đơn trình bày cho Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L theo hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/16/0069/ HDBLDS ngày 26/5/2016. Trong quá trình vay, bà cũng là người thay mặt công ty trả nợ cho phía ngân hàng. NH từ khi ông H là

chồng bà chuyển sở hữu và đại diện theo pháp luật của công ty cho ông Phạm Quang Mthì bà không còn đứng ra trả nợ cho ngân hàng nữa.

Nay, V yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L thanh toán số tiền còn nợ, trường hợp không thanh toán đầy đủ thì V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền yêu cầu bà tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng bảo lãnh thì bà cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bị đơn có đề nghị phía ngân hàng giảm lãi nH do khoản nợ này đã lâu, gây thiệt hại cho phía ngân hàng nên nguyên đơn không đồng ý giảm lãi, đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến hết ngày 15/10/2019 là 629.139.980 đồng. Trong đó:

Nợ gốc quá hạn: 472.199.754 đồng,

Nợ lãi trong hạn: 4.628.885 đồng,

Lãi quá hạn: 126.803.924 đồng,

Lãi ưu đãi hoàn trả 12 tháng đầu: 25.507.417 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký từ ngày 16/10/2019 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Ngoài ra, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác như đã khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Hồng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) và Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L (gọi tắt là Công ty L) có giao kết hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016. Do phía Công ty L vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Đỗ Thành Trung làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018) và ông Đỗ Thành Trung có văn bản ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu H làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số 357/2018/XLN-AMC ngày 07/01/2019). Về phía bị đơn, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Quang M ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H làm người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án (Giấy ủy quyền đề ngày 23/4/2019) nên Tòa án triệu tập ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Văn H để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[3] Đối với Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016 được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nh vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[5] Về nội dung vụ án, xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, V và Công ty L có ký kết Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo như nguyên đơn trình bày. Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng; Điều 7 và khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi là Quyết định 1627). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng nên V khởi kiện yêu cầu Công ty L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[6] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Về số nợ gốc, quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng thừa nhận còn nợ V nợ gốc là: 472.199.754 đồng, nên căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc nêu trên của nguyên đơn.

[7] Về phần tiền lãi, phía V yêu cầu bị đơn trả số lãi trong hạn là 4.628.885 đồng, lãi quá hạn, lãi ưu đãi hoàn trả 12 tháng đầu 25.507.417 đồng phía bị đơn không đồng ý. Bị đơn thừa nhận phía nguyên đơn đã tính lãi theo đúng hợp đồng hai bên đã ký NH mức lãi này quá cao. Xét hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất ưu đãi là 7,5%/tháng cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau 12 tháng từ ngày giải ngân vốn vay theo khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay sẽ được tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng 5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, khoản 2 Điều 13 và Điều 25 Quyết định 1627; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy các mức lãi suất trong hạn và quá hạn mà V áp dụng đối với Công ty L đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký, đúng với Biểu lãi suất huy động vốn của V và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ lãi trong hạn: 4.628.885 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 15/10/2019 là 126.803.924 đồng và phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký từ ngày 16/10/2019 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu hoàn trả lãi ưu đãi 12 tháng đầu là 25.507.417 đồng, theo bản khế ước nhận nợ lần 1 ngày 28/5/2016, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất 7,5%/năm là lãi suất ưu đãi trong 12 tháng đầu. Trường hợp bên vay không trả nợ (gốc, lãi) đúng hạn thì ngoài khoản lãi vay, phí, phạt theo hợp đồng, bên vay còn phải trả khoản chênh lệch giữa lãi suất cho vay thông thường và lãi suất cho vay ưu đãi trong 12 tháng đầu. Căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và quy định chính sách lãi suất dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ vay mua ô tô số 529/2015/QĐ-TGD ngày 09/7/2015 của V cũng như Biểu lãi suất huy động vốn của V thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn phần chênh lệch về lãi suất giữa lãi suất ưu đãi và lãi suất thông thường trong 12 tháng đầu.

[9] Xét số tiền này phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[10] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty L không thanh toán đầy đủ số nợ nêu trên thì V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển kiểm soát 51F-680.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 cho Công ty L theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/ HDTCCC ngày 14/7/2016 để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/7/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 323, Điều 342 và Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp. Ông Nguyễn Văn H trình bày, do công việc làm ăn có nhiều khoản nợ nên chiếc xe mà Công ty đang thế chấp cho ngân hàng các chủ nợ đang giữ. Tòa án đã yêu cầu ông H giao nộp tài liệu, chứng

cứ cung cấp cho Tòa án họ tên, địa chỉ của người đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên nH ông H không biết chiếc xe đang ở đâu và do ai quản lý sử dụng nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Phía nguyên đơn xác nhận đang giữ bản chính đăng ký xe ô tô, chiếc xe đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc thế chấp gửi Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp do bên thế chấp quản lý và sử dụng nên nguyên đơn cũng không biết và không có ý kiến gì về việc hiện nay ai đang quản lý sử dụng chiếc xe nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và không thể xác định người đang quản lý, sử dụng chiếc xe nêu trên.

[11] Xét thấy, tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016, hai bên có thỏa thuận về tài sản thế chấp do bên thế chấp quản lý và sử dụng. Bên thế chấp phải thông báo cho bên thuê, bên mượn biết việc tài sản đang thế chấp cho ngân hàng và hợp đồng cho thuê, cho mượn sẽ chấm dứt trong trường hợp ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại Điều 7 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô các bên cũng thỏa thuận bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển kiểm soát 51F-680.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 cho Công ty L trong trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 7 Điều 351 và Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận.

[12] Về yêu cầu bà Trần Thị Hồng V thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/16/0069/HDBLDS ngày 26/5/2016 trong trường hợp bị đơn không trả nợ và tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/16/0069/HDBLDS ngày 26/5/2016 giữa bên bảo lãnh là bà Trần Thị Hồng V, bên nhận bảo lãnh là V và bên được bảo lãnh là Công ty L thì bà V có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với V khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án, bà V cũng thừa nhận nghĩa vụ bảo lãnh và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét hình thức và nội dung bảo lãnh đúng quy định của pháp luật, nên căn cứ vào Điều 361, Điều 362 và Điều 363 của Bộ luật dân sự 2005 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[15] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 290, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 350, Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 389, Điều 401 và Điều 405 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

1.1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2019 bao gồm, nợ gốc là: 472.199.754 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, bảy trăm năm mươi bốn đồng), tiền lãi trong hạn: 4.628.885 đồng (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn: 126.803.924 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, chín trăm hai mươi bốn đồng) và tiền lãi ưu đãi hoàn trả 12 tháng đầu là: 25.507.417 đồng (Hai mươi lăm triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 629.139.980 đồng (Sáu trăm hai mươi chín triệu, một trăm ba mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi ngàn đồng), phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/ 0069/HDTD ngày 26/5/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 28/5/2016. Việc trả nợ thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đã được xác lập theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BEN/16/0069/HDTCCC ngày 14/7/2016 là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, số khung: 5726GC033960, số máy: PE10331599, biển số đăng ký 51F-680.71, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 cho Công ty L, để thu hồi nợ;

1.3. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên thì bà Trần Thị Hồng V có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/16/0069/HDBLDS ngày 26/5/2016.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 26/5/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số SME/BEN/16/0069/HDTD ngày 28/5/2016.

3. Ngân hàng TMCP V có nghĩa vụ hoàn trả bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 167806 do phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2016 cho Công ty L ngay khi Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

4. Về án phí:

4.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.165.599 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm chín mươi chín đồng) do Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ L chịu;

4.2. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.043.206 đồng (Mười ba triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, hai trăm lẻ sáu đồng) theo Biên lai thu số 0001871 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp